| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 159/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/8/2020
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Trương Phước Công;**

2. Bà **Đào Thị Thu Vân.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hồng Duyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia tham phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2020/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Trương Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp K Q 1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: ấp KH 2, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp K Q 1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN;**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày: Chị và anh L do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2008, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang. Anh chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, anh L thường hay ăn nhậu và kiếm chuyện với chị, không quan tâm đến vợ con. Anh chị không

còn sống chung từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Vĩnh T, sinh ngày 01/6/2009; Huỳnh Phú Q, sinh ngày 04/6/2012. Hiện các cháu đang sống chung với anh L. Khi ly hôn chị tôn T ý kiến của 02 cháu nếu các cháu sống với ai thì người đó đươợc tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị L xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Trương Thị L xác định không có.

Bị đơn anh Huỳnh Văn L trình bày: Anh và chị L do mai mối và sống chung với nhau vào năm 2008, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, anh và chị L sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh thường hay nhậu với bạn bè, hay cự cải, bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của chị L thì anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ và thương con, cho anh thời gian hàn gắn gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Vĩnh T, sinh ngày 01/6/2009; Huỳnh Phú Q, sinh ngày 04/6/2012. Hiện các cháu đang sống chung với anh L. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn L xác định không có.

- Về nợ chung: Anh Huỳnh Văn L xác định không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

- Chị Trương Thị L và anh Huỳnh Văn L kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành ngày 12/3/2009, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường uống rượu, không quan tâm đến vợ con và ly thân đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, chị L yêu cầu ly hôn với anh L.

Phía anh L không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, nhưng chị L cương quyết ly hôn, do tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, nếu buộc chị L trở lại cuộc sống chung vợ chồng cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Vĩnh T - Sinh ngày 01/6/2009 và Huỳnh Phú Q - Sinh ngày 04/6/2012. Chị L và anh L thống nhất, 02 cháu đang sống chung với anh L nên để anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Do anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị L đối với anh Huỳnh Văn L.

- Anh Huỳnh Văn L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Vĩnh T - Sinh ngày 01/6/2009 và Huỳnh Phú Q - Sinh ngày 04/6/2012, chị Trương Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Trương Thị L khởi kiện anh Huỳnh Văn L cư trú ấp K Q 1, xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị L và anh L sống chung với nhau vào năm 2008 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị L cho rằng anh L không lo làm ăn, chỉ biết ăn nhậu với bạn bè, không quan tâm đến vợ con, chị có khuyên nhưng anh không sửa đổi. Anh L cũng thừa nhận là anh có ăn nhậu với bạn bè, hay cự cải, nhưng sau này anh có sửa đổi. Tòa án đã cho anh chị thời gian hàn gắn tình cảm gia đình, trong thời gian hàn gắn anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà trái lại anh còn kiếm chuyện với chị L khi anh đi uống rượu về. Như vậy mâu thuẫn đã trầm T, đời sống chung giữa chị L và anh L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn với anh L, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…." Tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Vĩnh T, sinh ngày 01/6/2009; Huỳnh Phú Q, sinh ngày 04/6/2012. Hiện các cháu đang sống chung với anh L. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T, cháu Q nhưng không ghi nhận được ý kiến của các cháu. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị L cũng đồng ý để anh L được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, cháu Q, anh L không có ý kiến phản đối. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu T cháu Q sống ổn định với anh L vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị L cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu Q cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa chị L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, anh L cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Tại phiên tòa chị L, anh L xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] *Về nợ chung:* Tại phiên tòa chị L, anh Lái xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

Ghi nhận chị L, anh L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L, anh L trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ

Các khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị L được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/3/2009 của Ủy ban nhân dân xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Huỳnh Văn L được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục 02 tên Huỳnh Vĩnh T, sinh ngày 01/6/2009; Huỳnh Phú Q, sinh ngày 04/6/2012. Chị Trương Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Trương Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị L, anh Huỳnh Văn L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị L, anh Huỳnh Văn L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị L, anh L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L, anh L trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008236 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị L không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã K T, huyện C M, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**